TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/DS-PT
Ngày: 25 - 02 - 2020
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất; Tranh chấp hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Bà Phạm Thị Duyên

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa**:* Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất; Tranh chấp hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1983/2019/QĐ - PT ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Khánh L, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Bà Chế Thị L1, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Số X58, đường số X8, khu phố X2, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Lê Đ, sinh năm 1930 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ L2 – Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận (vắng mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1926 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lê Thị Khánh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/7/2017 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Khánh L trình bày:

Trước đây, cha mẹ bà được hợp tác xã giao đất để sản xuất, nguồn gốc đất là ruộng cũ của ông bà để lại. Ngày 05/10/2012, cha mẹ bà là ông Lê Thành L4, bà Phan Thị Minh H được Ủy ban nhân dân huyện H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 630128, thửa đất số 887, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.456m^2 đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại thôn U, xã H2, huyện H1. Sau khi cha bà chết, mẹ và các anh chị em đã thỏa thuận phân chia tài sản và giao cho bà quản lý sử dụng thử đất 887. Ngày 12/02/2017, bà được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H1 xác nhận sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Gia đình bà và bà sử dụng đất trồng thanh long từ trước đến nay. Khoảng đầu năm 2010, khi gia đình đi nuôi cha tại bệnh viện, ông Lê Đ đã lấn chiếm đất của bà, đào giếng, đào ao, trồng dừa và lén lút đăng ký kê khai diện tích đất lấn chiếm để được cấp giấy chứng nhận. Bà khiếu nại và đã được Uỷ ban nhân dân xã giải quyết nhiều lần. Ông Lê Đ đã lấp ao, hứa trả đất, Ủy ban cũng yêu cầu ông Đ trả đất nhưng không Đ không thực hiện.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải trả diện tích đất đã lấn chiếm là 200m^2 thuộc thửa đất số 887 nêu trên và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 940442 ngày 21/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp cho ông Lê Đ và bà Nguyễn Thị L3 đối với diện tích đất ông Lê Đ đã lấn chiếm.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2018, bị đơn ông Lê Đ trình bày:

Ông và ông nội của bà Lê Thị Khánh L là anh em cùng cha khác mẹ. Nguồn gốc thửa đất thổ cư của gia đình ông đang ở do cha mẹ ông tạo lập để lại cho ông. Thửa đất của gia đình ông đã có từ 70 năm nay đã được Nhà nước đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 lần vào năm 1993 và năm 2015 có hàng rào ranh giới rõ ràng, không lấn chiếm đất của bà L. Vì vậy, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Lê Đ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng đương sự đều vắng mặt. Vì vậy, ngoài bản tự khai này, ông Lê Đ không có lời khai nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L3:

Bà Nguyễn Thị L3 là vợ của ông Lê Đ, đã được tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt. Vì vậy, bà L3 không có lời khai tại hồ sơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bình Thuận do ông Hồ L2 giám đốc đại diện trình bày: (Tại văn bản số 4624/STNMT- VPĐKĐĐ ngày 03/10/2018:

- Về việc giải quyết hồ sơ nhận thừa kế quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Khánh L đối với khu đất được cấp giấy chứng nhận số BM 630128: Ngày 05/12/2012, UBND huyện H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 630128 cho hộ ông Lê Thành L4 và bà Phan Thị Minh H. Ngày 16/12/2016, Văn phòng công chứng Phú Long chứng nhận Văn bản thỏa thuân phân chia di sản thừa kế, số công chứng 01805, quyển số 02/2016 TP/CC- SCC/HĐGD. Theo đó bà Lê Thị Khánh L toàn quyền sử dụng đối với thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận số BM 630128. Qua kiểm tra hồ sơ nhận thừa kê bằng quyền sử dụng đất của bà L, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H1 xác nhận tại trang 3 của Giấy chứng nhận số BM 630128 với nội dung: Để thừa kế cho bà Lê Thị Khánh L. Việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H1 giải quyết hồ sơ nhận thừa kế của bà L là đúng theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

- Về việc cấp giấy chứng nhận số CA 940442 hộ ông Lê Đ:

Ngày 12/3/2009, UBND huyện H1 cấp Giấy chứng nhận số AO 995282 cho hộ ông Lê Đ và bà Nguyễn Thị L3. Ngày 18/9/2015, hộ ông Lê Đ và bà Nguyễn Thị L3 nộp hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận số AO 995282. Tại Mục II Đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận, UBND xã H2 xác nhận với nội dung: *"Hộ sử dụng ổn định không thay đổi ranh giới thửa đất"*. Căn cứ theo nội dung xác nhận của UBND xã H2; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H1 đã tham mưu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh trình Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận số CC 940442 ngày 21/12/2015 cho hộ ông Lê Đ và bà Nguyễn Thị L3. Việc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi từ Giấy chứng nhận số AO 995282 thành Giấy chứng nhận số CC 940442 là đúng theo quy định tại Điều 105 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 37, Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 207, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính; Khoản 9 Điều 3, khoản 1 Điều 97, khoản 1 Điều 99, khoản 5 Điều 166 Luật Đất đai; Các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự; Các Điều 14, 15, khoản 1, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phi Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Lê Thị Khánh L về việc yêu cầu ông Lê Đ giao trả diện tích đất 50,9m^2: Buộc ông Lê Đ và bả Nguyễn Thị L3 liên đới trả cho bà Lê Thị Khánh L số tiền 3.481.500 đồng (giá trị quyền sử dụng 50,9m^2 đất).

[2] Giao diện tích đất 50,9m^2 tại thửa đất số 454 cho ông Lê Đ và bà Nguyễn Thị L3 tiếp tục quản lý sử dụng theo pháp luật đất đai.

[3] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Khánh L yêu cầu ông Lê Đ giao trả diện tích đất 71,6m^2 tại thửa đất số 452.

[4] Không chấp nhận khởi kiện của bà Lê Thị Khánh L về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 940442 ngày 21/12/201 5 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp cho ông Lê Đ và bà Nguyễn Thị L3.

[5] Đối với diện tích đất nêu tại mục 2 phần này, bà Lê Thị Khánh L và vợ chồng ông Lê Đ bà Nguyễn Thị L3 có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

[6] Thửa đất nêu tại mục 2 và mục 3 phần này có vị trí thể hiện tại Mảnh chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính ngày 22/10/2018 cùng của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận.

[7] Kèm theo bản án này có Mảnh chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính ngày 12/9/2018 và ngày 22/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 04/12/2018 và 14/12/2018 nguyên đơn bà Lê Thị Khánh L có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm buộc ông Lê Đ phải giao trả cho bà L diện tích 50,9 m^2 đất và bà L sẽ hoàn trả giá trị tài sản trên đất cho ông Đ là 9.240.000 đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hô Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến;

- Về trình tự thủ tục tố tụng của Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng, và những người tham gia tố

tụng, đã tuân thủ đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án vị kiểm sát viên cũng phân tích toàn bộ các chứng cứ có thê hiện trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, vị kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Đ trả lại cho bà L diện tích 50.9 m^2 và bà L sẽ hoàn trả giá trị tài sản trên đất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung:

Bà L khởi kiện yêu cầu ông Lê Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm thuộc thửa 887, yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 940442 ngày 21/12/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp cho bị đơn đối với phần đất đã lấn chiếm.

Bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp gia đình ông có từ 70 năm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có hàng rào ranh giới rõ ràng. Vì vậy ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[3.1] Về nguồn gốc đất:

- Thửa đất 887 của bà L có nguồn gốc nhận thừa kế từ ông Lê Thành L4 (cha bà L), đã được UBND huyện H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 630128 ngày 05/10/2012, cập nhật biến động ngày 03/10/2018 với diện tích 1.456 m^2.

- Thửa đất của ông Lê Đ có nguồn gốc do vợ chồng ông tạo lập, khai hoang. Ngày 12/3/2009 được UBND huyện H1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 659 m^2. Ngày 27/12/2015 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 940442 diện tích 662,6 m^2 tại thửa số 8, tờ bản đồ số 1.

Theo xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, bị đơn đều đúng theo quy định pháp luật.

[3.2] Về hiện trạng sử dụng đất:

Theo Mảnh chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính ngày 12/9/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/9/2018 của Tòa án cấp sơ thẩm thì: Thửa đất vợ chồng ông Đ đang sử dụng có số hiệu 451, diện tích 575,3m^2 (không bao gồm đất tranh chấp). Thửa đất có tranh chấp có số hiệu 452, diện tích 122,5m^2. Thửa đất bà L đang sử dụng có số hiệu 453 diện tích 1.305,4m^2 (không bao gồm đất tranh chấp). Như vậy, số liệu diện tích đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất thực tế hai bên đang sử dụng (không tính diện tích đất tranh chấp) cả hai bên đều chênh lệch thiếu. bà L thiếu 150.6m^2 (Giấy chứng nhận 1.456m^2), vợ chồng ông Đ thiếu 87,3m^2 (giấy chứng nhận 662,6m^2). Tổng (diện tích chênh lệch thiếu là 237,9m^2, trong khi diện tích đất tranh chấp chỉ là 122,5 m^2. Từ đó, cho thấy hiện trạng sử dụng đất của hai bên đương sự ít hơn tổng diện tích đất hai bên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Mảnh chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận ngày 22/10/2018 thì thửa đất số 451, diện tích 585m^2 thuộc Giấy chứng nhận của vợ chồng ông Đ (trong diện tích này, vợ chồng ông Đ đang sử dụng 575,3m^2, vợ chồng ông Đ không sử dụng 9,7m^2 do hàng rào hướng Nam chiếm 3,3m^2 và đường bê tông hướng Bắc chiếm 6,4m^2). Thửa đất số 452, diện tích 71,6m^2 thuộc Giấy chứng nhận của vợ chồng ông Đ hiện do vợ chồng ông Đ đang sử dụng, thửa đất này nằm trong diện tích tranh chấp 122,5m^2. Thửa đất số 454 (nằm trong diện tích tranh chấp 122,5m^2), diện tích 50,9m^2 nằm ngoài ranh giới đất theo Giấy chứng nhận của vợ chồng ông Đ, hiện do vợ chồng ông Đ đang quản lý sử dụng. Thửa đất số 455, diện tích 6m^2 nằm trong Giấy chứng nhận của vợ chồng ông Đ do bà L đang sử dụng. Thửa đất số 453, diện tích 1299,4m^2 nằm trong Giấy chứng nhận của bà L do bà L đang quản lý sử dụng. Như vậy, 662,6m^2 đất của vợ chồng ông Đ gồm các thửa 451, 452, 455. Kết quả đối chiếu trên cho thấy vợ chồng ông Đ đang sử dụng thửa đất số 454 diện tích 50,9m^2 nằm ngoài Giấy chứng nhận của mình, tiếp giáp với thửa đất của bà L nên có căn cứ xác định vợ chồng ông Đ đã lấn chiếm sử dụng 50.9 m^2 đất của bà L.

Từ những cơ sở trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà L buộc ông Đ trả lại diện tích 50.9 m^2 là có căn cứ. Tài sản trên đất là của bị đơn, do đó nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại giá trị tài sản trên đất theo kết quả định giá. Do bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình xét xử ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm, để đảm bảo quyền định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Khánh L. Buộc ông Lê Đ và bà Nguyễn Thị L3 giao trả cho bà Lê Thị Khánh L diện tích đất 50,9m^2 tại thửa 454 theo Mảnh chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính ngày 22/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận.

Bà Lê Thị Khánh L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đ và bà Nguyễn Thị L3 số tiền 9.240.000 đồng (giá trị tài sản trên 50.9 m^2 đất).

Bà Lê Thị Khánh L và vợ chồng ông Lê Đ bà Nguyễn Thị L3 có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Khánh L yêu cầu ông Lê Đ giao trả diện tích đất 71,6m^2 tại thửa đất số 452 theo Mảnh chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính ngày 22/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận

Không chấp nhận khởi kiện của bà Lê Thị Khánh L về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 940442 ngày 21/12/201 5 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp cho ông Lê Đ và bà Nguyễn Thị L3.

(Kèm theo Mảnh chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính ngày 22/10/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận).

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Khánh L phải nộp 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 1.250.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020922 ngày 10/11/2017 của Cục Thi hành án tỉnh Bình Thuận. Hoàn trả lại cho bà L số tiền 650.000 đồng.

Ông Lê Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Khánh L không phải chịu. Hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025728 ngày 10/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án) cho đến thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- NĐ (1);
- BĐ (1);
- NLQ (2);
- Lưu (10) 19b (Án39).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Mười